

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**PHẠM VĂN BÌNH**

**AN TOÀN LAO ĐỘNG THEO PHÁP LUẬT  
VIỆT NAM, QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 8380107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019**

Công trình được hoàn thành tại:

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Trần Văn Duy**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn  
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

# MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài .....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn .....	5
7. Cơ cấu của luận văn .....	6
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY .....</b>	<b>6</b>
1.1. Khái niệm, đặc trưng an toàn lao động .....	6
1.1.1. Khái niệm an toàn lao động .....	6
1.2.2. Đặc trưng an toàn lao động .....	6
1.2. Khái niệm, ý nghĩa của pháp luật về an toàn lao động .....	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật an toàn lao động.....	7
1.2.2. Ý nghĩa của pháp luật về an toàn lao động .....	7
1.2.2.1. Ý nghĩa chính trị- pháp lý: .....	7
1.2.2.2. Ý nghĩa xã hội .....	8
1.2.2.3. Ý nghĩa kinh tế .....	8
1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về quan hệ an toàn lao động.....	8
1.3.1. Chính sách của Nhà nước về an toàn lao động .....	8
1.3.2. Nguyên tắc bảo đảm ATLĐ .....	8
1.3.3. Về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong an toàn lao động .....	8
1.3.4. Biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại cho người lao động .....	9
1.3.5 Về nội quy, quy trình và các biện pháp bảo đảm an toàn lao động tại nơi làm việc .....	9
1.3.6. Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.....	9
1.3.7. Quản lý nhà nước về an toàn lao động.....	9
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ pháp luật về an toàn lao động.....	10
1.4.1. Chính sách pháp luật về an toàn lao động.....	10
1.4.2. Vai trò của Công đoàn.....	10
1.4.3. Sự giám sát của Công đoàn cấp trên cơ sở.....	10
1.4.4. Sự nhận thức của người lao động và người sử dụng lao động.....	10
Tiểu kết chương 1.....	11
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ.....</b>	<b>11</b>
2.1. Thực trạng pháp luật về an toàn lao động .....	11
2.1.1. Các văn bản pháp luật điều chỉnh về an toàn lao động .....	11
2.1.2. Các quy định về bảo đảm an toàn lao động .....	12
2.1.2.1. Quy định chung về bảo đảm an toàn lao động .....	12
2.1.2.2. Quy định về an toàn lao động đối với một số lao động đặc thù .....	12

2.1.2.3. Quy định về an toàn lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .....	14
2.1.3. Đánh giá chung các quy định về bảo đảm an toàn lao động .....	15
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại Quảng Trị hiện nay.....	16
2.2.1. Thành tựu thực hiện pháp luật về an toàn lao động .....	16
2.2.2. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về an toàn lao động .....	18
Tiêu kết chương 2.....	20
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG .....</b>	<b>20</b>
3.1. Phương hướng hoàn thiện, thực thi pháp luật an toàn lao động .....	20
3.1.1. Quan điểm xây dựng hoàn thiện, thực thi pháp luật .....	20
3.1.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật an toàn lao động .....	22
3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về an toàn lao động	24
3.2.1. Một số giải pháp chung .....	24
3.2.2. Một số giải pháp tại tỉnh Quảng Trị .....	25
Tiêu kết chương 3.....	26
<b>KẾT LUẬN CHUNG .....</b>	<b>27</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong phát triển nền kinh tế thị trường cùng với hội nhập kinh quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, vấn đề nguồn nhân lực có vai trò hết sức quan trọng. Để phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất và hiệu quả lao động thì việc đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe cho người lao động là một yêu cầu tất yếu, liên quan chặt chẽ đến sự phát triển của từng doanh nghiệp, góp phần xây dựng một nền kinh tế bền vững cho mỗi quốc gia.

Thời gian qua, công tác đảm bảo an toàn lao động, giảm thiểu tai nạn lao động của nước ta đã có những chuyển biến tích cực; pháp luật về an toàn lao động đang được hoàn thiện; vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan đến công tác an toàn lao động và quản lý nhà nước về an toàn lao động được nâng cao. Ở đâu, khi nào có hoạt động lao động sản xuất thì ở đó, khi đó phải tổ chức công tác bảo hộ lao động theo đúng phương châm: *đảm bảo an toàn để sản xuất - sản xuất phải đảm bảo an toàn lao động*.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, thì tình hình tai nạn lao động vẫn còn diễn biến khá phức tạp, đặc biệt là trong khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động; ý thức chấp hành pháp luật về an toàn lao động của các chủ thể trong quan hệ lao động chưa cao; công tác quản lý nhà nước về an toàn lao động chưa đạt được kết quả như mong muốn; hệ thống quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật về ATLĐ của một số ngành, lĩnh vực còn lạc hậu, không phù hợp với thực tế, cần phải điều chỉnh, bổ sung; một số văn bản được hướng dẫn chậm nên thiếu đồng bộ; một số nội dung của văn bản hướng dẫn còn chòng chéo, mâu thuẫn gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

Theo báo cáo tình hình tai nạn lao động (TNLĐ) năm 2017 của Bộ LĐTBXH, tỉ lệ báo cáo của các doanh nghiệp về tai nạn lao động rất thấp chưa nghiêm, chưa đầy đủ. Vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá tình hình tai nạn lao động trên toàn quốc còn gặp nhiều khó khăn. Theo báo cáo tình hình tai nạn lao động năm 2017 của Bộ LĐTBXH, cả nước đã xảy ra 8.956 vụ TNLĐ làm 9.173 người bị nạn (bao gồm cả khu vực có quan hệ lao động và khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động). Cụ thể, số vụ TNLĐ chết người là 898 vụ, số người chết là 928 người và 1.915 người bị thương nặng. Đáng chú ý, đối với NLĐ làm việc không theo hợp đồng lao động, theo thống kê cả nước đã xảy ra 1.207 vụ TNLĐ làm 1.266 người bị nạn. Đối với đối tượng NLĐ làm việc không theo hợp đồng lao động, các vụ TNLĐ xảy ra chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, cơ khí luyện kim. Theo đó, điển hình tại các tỉnh Quảng Trị, TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh... , số vụ và số người chết vì TNLĐ cao.

Đánh giá về tình hình đảm bảo ATLĐ hiện nay, thống kê TNLĐ trong khu vực không có hợp đồng lao động được được chú trọng, công tác thống kê báo cáo hiện còn kém, số người bị tai nạn lao động thống kê không được đầy đủ.

Do vậy, việc nghiên cứu đề tài “*An toàn lao động theo pháp luật Việt Nam, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị*” thực sự có ý nghĩa và cần thiết.

### 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Về Luận văn, vấn đề an toàn lao động được nghiên cứu dưới những góc độ khác nhau như:

+ "*Cuốn sách Thẻ chế quản lý môi trường lao động*" của Lê Văn Trinh, NXB. Chính trị Quốc gia, 2017, đây là cuốn sách phục vụ nghiên cứu, giảng dạy cho sinh viên. Nội dung cơ bản được tác giả đi sâu nghiên cứu về môi trường lao động và quản lý môi trường lao động nói chung, với đặc điểm, nội dung và tiêu chí cụ thể nhằm đảm bảo quản lý tốt môi trường lao động cho người lao động.

Thông qua cuốn sách giúp người đọc có thể hiểu được phần nào về môi trường lao động tại các khu vực làm việc, các nhân tố ảnh hưởng đến môi trường làm việc của người lao động. Từ đó, có thể nhận biết được các nguy cơ có thể gây ra TNLD, BNN, các yếu tố gây hại tới sức khỏe cho người lao động và đưa ra các giải pháp khắc phục để đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc tốt nhất.

+ "*Luật Lao động cơ bản*" của Nguyễn Diệp Thành, NXB. Lao động, 2015, cuốn sách được biên soạn nhằm mục đích phục vụ việc nghiên cứu, giảng dạy trong các trường Đại học, Viện nghiên cứu về lao động, tổ chức lao động. Cuốn sách cung cấp những kiến thức hữu ích trong nghiên cứu và hoạch định chính sách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với ATVSLĐ trong các doanh nghiệp, tổ chức xã hội nói chung, doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh khai thác tài nguyên khoáng sản nói riêng. Nội dung chính của sách tập trung vào việc phân tích các vấn đề về: Cơ sở lý luận về ATVSLĐ, bao gồm khái niệm, nguyên tắc, ý nghĩa của quy định về ATLĐ và VSLĐ; trách nhiệm về ATLĐ và VSLĐ; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động; quyền và nghĩa vụ của người lao động; trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực ATVSLĐ, thanh tra về ATVSLĐ); vai trò của Công đoàn trong lĩnh vực ATVSLĐ; các biện pháp và tiêu chuẩn về ATVSLĐ.

+ Luận văn "*An toàn và vệ sinh lao động ở DNVTN mở hiện nay*" của Bùi Xuân Nam, Đại học Lao động, 2016, đã chỉ ra những bản chất, nội dung của ATVSLĐ; hệ thống pháp luật và QLNN về ATVSLĐ; ATVSLĐ trong ngành mỏ. Thông qua đó, giúp ích cho người đọc hiểu rõ những vấn đề quan trọng, như: ATVSLĐ trong khai thác mỏ, như: VSLĐ trong ngành mỏ; hệ thống hóa những kiến thức chung nhất về ATVSLĐ trong đó đưa ra một số vấn đề: khái niệm về BHLĐ, ATVSLĐ; ĐKLĐ và các yếu tố nguy hiểm, có hại trong lao động; các biện pháp kỹ thuật ATVSLĐ; đồng thời giúp những người làm công tác quản lý, người sử dụng lao động, người lao động có những kiến thức về nhận dạng mối nguy, đánh giá và phân tích nguy cơ có thể xảy ra tại nơi làm việc từ đó giúp cho người làm công tác quản lý, công tác an toàn, người sử dụng lao động và người lao động.

+ "*Bảo hộ lao động*" của Nguyễn An Lương, NXB. GTVT, năm 2014. Cuốn sách đã tập hợp được sự đóng góp quý báu những vấn đề cơ bản của công tác BHLĐ, từ những khái niệm, những nội dung chủ yếu của công tác BHLĐ, các vấn đề pháp luật, chế độ chính sách, công tác quản lý, xây dựng chiến lược, phong trào quần chúng hoạt động về BHLĐ cho đến những nội dung khoa học kỹ thuật BHLĐ. Sách gồm đã trình bày một cách đầy đủ, toàn diện, có hệ thống nội dung của công tác BHLĐ. Tác giả khi trình bày các nội dung biên soạn đã cố gắng chọn lọc những kiến thức cơ bản, tiếp cận với các kiến thức mới, cập nhật kịp thời các thông tin trong nước và quốc tế.

- "*Giáo trình Pháp luật về an toàn mỏ*" của Phạm Ngọc Lợi, cuốn sách nhằm giúp người đọc có được nhận thức đầy đủ về mối liên hệ giữa môi trường và con người, sinh vật và phát triển kinh tế, văn hóa xã hội đất nước. Đồng thời giúp cho người đọc nhận thức đúng hơn về ATLĐ, mục đích, vai trò, ý nghĩa của công tác an toàn và BHLĐ và các quy định an toàn khi đi lại, làm việc tại mỏ: Quy định an toàn khi vận chuyển người, thiết bị ra vào lò, quy định vận hành một số thiết bị mỏ chuyên dùng, quy định an toàn khi nổ mìn...từ nhận thức đó hướng cho người đọc thấy được sự cần thiết nâng cao hiệu lực QLNN về môi trường và các biện pháp phòng chống các tai nạn xảy ra trong hoạt động khai thác mỏ.

+ "*Quy định của pháp luật về An toàn trong xây dựng*" của Nguyễn Văn Át và Đỗ Minh Nghĩa, NXB. Lao động, 2013, cuốn sách tập trung giới thiệu về ATLĐ trong một ngành, lĩnh vực cụ thể - ATLĐ trong xây dựng, ngành sản xuất công nghiệp có tần suất và khả năng rủi ro xảy ra cao đối với an toàn cho người lao động và cách phòng chống, đảm bảo an toàn cho người lao động trong suốt quá trình sản xuất.

*Ngoài ra còn có những bản báo cáo các số liệu thống kê của các Bộ, ngành phục vụ cho quá trình đánh giá thực trạng hoạt động QLNN về ATLĐ. Chẳng hạn như:*

+ "*Báo cáo về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2009-2014*" của Bộ LĐTBXH, trên cơ sở báo cáo tổng hợp về hình hình TNLĐ của 63 tỉnh, thành phố trong cả nước hằng năm, Bộ LĐTBXH tổng hợp, phân tích tình hình TNLĐ, BNN từ đó có thể phân loại theo các yếu tố ngành và lĩnh vực. Việc tổng hợp báo cáo này rất thuận lợi cho việc xác định các nguyên nhân chính có thể gây TNLĐ, BNN, căn cứ vào đó để cơ quan QLNN đưa ra các chính sách quy định điều chỉnh cho phù hợp tiến tới loại bỏ hoặc làm giảm thiểu đến mức tối đa các TNLĐ, BNN.

Tuy nhiên, trên thực tế thì việc báo cáo, thống kê này hiện nay vẫn chưa được tốt, nhiều địa phương không có báo cáo TNLĐ theo mẫu quy định hoặc số liệu báo cáo không đầy đủ, không phù hợp. Đặc biệt tỷ lệ báo cáo của các doanh nghiệp (chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) về các Sở LĐTBXH địa phương vẫn rất thấp, gây khó khăn trong việc tổng hợp, đánh giá tình hình TNLĐ trên phạm vi cả nước.

+ "*Báo cáo tổng kết 18 năm thi hành pháp luật ATVSLĐ và định hướng triển khai đến năm 2020*" của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, là tổng kết của 18 năm thi hành pháp luật của các ngành, lĩnh vực đối với công tác ATLĐ. Thông qua Báo cáo là một bức tranh toàn cảnh về thực trạng công tác ATLĐ ở Việt Nam hiện nay và trong những năm gần đây, từ đó giúp cho các cơ quan QLNN, những người làm chính sách ATLĐ có cái nhìn chân thực nhất để đưa ra những quy định, điều chỉnh phù hợp.....

*\* Một số kết luận rút ra từ việc tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến luận văn:*

Thứ nhất, chủ đề ATLĐ sự quan tâm nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn của cá nhân các nhà khoa học cũng như các cơ quan nhà nước ở cả trong nước, nước ngoài.

Thứ hai, xuất phát từ nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, đối tượng nghiên cứu khác nhau nhằm mục đích nghiên cứu riêng, song, hầu hết các tác đều tập

trung nghiên cứu về ATLĐ trên các góc độ chủ yếu, đó là: Bản chất, nội dung, nguyên tắc đảm bảo ATLĐ trong quá trình sản xuất nói chung.

Thứ ba, muốn giảm thiểu tối đa TNLĐ, BNN nhất thiết tăng cường QLNN về ATLĐ trong các doanh nghiệp; Đồng thời, phải xây dựng và triển khai hiệu quả các mô hình, phương thức, biện pháp cụ thể để ngăn chặn, giảm thiểu rủi ro, bảo đảm ATLĐ tránh được TNLĐ, BNN.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả quản lý ATLĐ, trong đó có sự tham gia một cách đồng bộ, tích cực, chủ động và hiệu quả của các chủ thể đó là: Bản thân Người lao động; doanh nghiệp hay tổ chức kinh tế - xã hội; nhà nước các cấp, các Bộ, ngành, địa phương...

*\* Những khoảng trống về mặt lý luận và thực tiễn cần tiếp tục nghiên cứu trong đề tài của luận văn*

Thứ nhất, nghiên cứu và làm sáng rõ bản chất về ATLĐ trong điều kiện quản lý QHLĐ trong bối cảnh khoa học công nghệ và địa phương còn đang trong quá trình phát triển như Quảng Trị

Thứ hai, phân tích sâu sắc để chỉ rõ đặc điểm, vai trò về ATLĐ, nghiên cứu và làm sáng tỏ nguyên tắc, nội dung gắn với phương thức, mô hình cụ thể, các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý về ATLĐ.

Thứ ba, trên nền tảng của việc phân tích những hạn chế, bất cập thực hiện pháp luật về ATLĐ ở Việt Nam, phải đề xuất một hệ thống các phương hướng và giải pháp đồng bộ nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả QL về ATLĐ, đảm bảo cho người lao động luôn được khỏe mạnh, an toàn, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng, phát triển bền vững; bảo đảm cho xã hội phát triển ngày càng văn minh, hiện đại.

Chính vì thế, luận văn sẽ làm rõ những vấn đề lý luận về an toàn lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam, chỉ ra thực trạng an toàn lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam tại một địa phương địa đầu như tỉnh Quảng Trị đang phát triển nhanh chóng về quan lao động để từ đó đưa ra phương hướng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu của luận văn**

Trên cơ sở hệ thống hóa làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn, cũng như phân tích, đánh giá thực trạng về ATLĐ ở Việt Nam. Luận án đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu hoàn thiện công tác quản lý về ATLĐ tại tỉnh Quảng Trị; hướng tới mục tiêu, quan trọng nhất là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chung của xã hội, giảm, ngăn chặn tới mức tối đa TNLĐ, BNN, góp phần bảo vệ được tính mạng, sức khỏe của người lao động trong sản xuất, kinh doanh xây dựng và bảo vệ môi trường trong các khu vực sản xuất ở Quảng Trị.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn**

Với mục đích nghiên cứu như trên, tác giả tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ chính sau:

- Làm rõ những vấn đề có tính khái quát về pháp luật và thực hiện an toàn lao động ;
- Phân tích thực trạng quy định hiện hành về an toàn lao động từ thực trạng thực hiện tại tỉnh Quảng Trị;



- Đưa ra phương hướng và kiến nghị nhằm hoàn thiện các qui định pháp luật về an toàn lao động .

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: một số quan điểm, các quy định về an toàn lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam - qua thực tiễn tại Quảng Trị và các pháp luật có liên quan an toàn lao động hiện nay .

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu về không gian: những quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động hiện nay ở Việt Nam, đồng thời đi sâu vào nghiên cứu quan điểm việc áp dụng thực tiễn tại Quảng Trị.

Phạm vi nghiên cứu thời gian: Từ năm 2012 đến 2018

Địa bàn nghiên cứu: Quảng Trị

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### **5.1. Phương pháp luận**

Để hoàn thành các mục tiêu của đề tài, trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng luận văn đã được thực hiện trên cơ sở của phương pháp duy vật biện chứng. Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

##### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu,...

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê,...

#### **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

##### **\* Về lý luận:**

- Luận văn đã phân tích, làm sáng rõ hơn những vấn đề lý luận cơ bản về bản chất, vai trò, đặc điểm, nội dung, và nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về ATLĐ. Từ đó, tạo lập khung lý thuyết làm căn cứ khoa học cho nghiên cứu thực tiễn về ATLĐ.

- Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia phương trong nước, luận văn khẳng định rõ trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh rủi ro đối với người lao động là tất yếu. Vì vậy, cần phải nâng cao nhận thức hơn nữa về ATLĐ trong các cơ quan QLNN và đối với các DN; vận dụng linh hoạt, mềm dẻo, hiệu quả bài học kinh nghiệm sẽ thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh trong các DN, đảm bảo an sinh xã hội, gắn với bảo vệ môi trường.

##### **\* Về thực tiễn:**

- Việc phân tích, đánh giá đúng đắn, khách quan về khoa học và thực trạng về ATLD trong các DN trong những năm qua đã phác thảo bức tranh toàn cảnh về ATLD; chỉ rõ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, chỉ rõ cơ sở thực tiễn khách quan, sinh động và đúng đắn cho việc hoạch định chính sách, đề ra phương hướng, giải pháp về ATLD trong doanh nghiệp.

- Luận văn đề xuất phương hướng và những giải pháp hoàn thiện về ATLD trong thời gian tới. Những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn của luận án góp phần vào việc xây dựng, hoạch định chính sách của nhà nước của các Bộ, ngành mà trực tiếp là Bộ LĐTBXH và Quảng Trị phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy ở các Học viện, các trường Đại học trong nước.

### **7. Cơ cấu của luận văn**

Cơ cấu của luận văn bao gồm: Phần mở đầu Phần nội dung gồm 03 chương:

*Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về an toàn lao động theo pháp luật Việt Nam hiện nay.*

*Chương 2: Thực trạng pháp luật về an toàn lao động và thực tiễn thực hiện tại Quảng Trị*

*Chương 3: Định hướng và các giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật an toàn lao động*

## **Chương 1**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY**

#### **1.1. Khái niệm, đặc trưng an toàn lao động**

##### **1.1.1. Khái niệm an toàn lao động**

*An toàn lao động là những chế định của luật lao động bao gồm những quy phạm pháp luật quy định việc đảm bảo an toàn lao động nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người lao động, đồng thời duy trì tốt khả năng làm việc lâu dài của người lao động.*

*Dưới góc độ pháp lý, an toàn lao động là tổng hợp những quy phạm pháp luật quy định các biện pháp bảo đảm an toàn lao động nhằm ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, và cải thiện điều kiện lao động cho người lao động.*

##### **1.2.2. Đặc trưng an toàn lao động**

*Một là, các quy định về ATLD mang tính chất khoa học kỹ thuật*

Đây là đặc trưng nổi bật của pháp luật về ATLD. Để đảm bảo ATLD cần có một môi trường làm việc an toàn, do đó phải hạn chế và loại trừ các yếu tố độc hại, nguy hiểm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người lao động. Việc hạn chế, loại trừ những yếu tố đó dựa trên cơ sở khoa học- tự nhiên, kết quả phân tích đánh giá mức độ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, như tiêu chuẩn về ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm không khí, độ ồn, độ rung, nồng độ bụi tối đa được cho phép trong môi trường làm việc... Từ đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển hóa các kết quả này thành các quy phạm pháp luật ATLD, có hiệu lực bắt buộc chung trong phạm vi cả nước hoặc trong từng ngành, lĩnh vực. Như vậy, tính khoa học và tính pháp lý được kết hợp, cùng tồn tại trong nhiều quy phạm pháp luật về ATLD.

*Hai là, các quy định về ATLD mang tính bắt buộc cao*

Nhà nước thể chế hóa các giải pháp khoa học kỹ thuật về ATLD thành quy định, tiêu chuẩn, yêu cầu cụ thể có tính chất bắt buộc chung đối với đơn vị sử dụng lao động, cá nhân người lao động và các chủ thể có liên quan.

Xét một cách tổng quát và so sánh với với cơ chế điều chỉnh của nhiều chế định khác của Luật lao động, có thể thấy: các quy định về ATLD mang tính “cứng nhắc” khó có thể thương lượng, thỏa thuận linh hoạt trong hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể. Đây cũng là nguyên nhân khiến các điều khoản về ATLD trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể vẫn thường được thể hiện một cách chung chung là: “theo quy định của Pháp luật hiện hành”.

*Ba là, các quy phạm về ATLD mang tính xã hội rộng rãi*

Việc thực hiện các quy định pháp luật về ATLD không chỉ là cơ quan nhà nước, người sử dụng lao động và người lao động mà còn đòi hỏi các chủ thể có liên quan khác cùng tham gia (như tổ chức công đoàn; tổ chức xã hội nghề nghiệp...). Người sử dụng phải có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện để tạo một trường lao động an toàn, hạn chế và loại trừ các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe người lao động; người lao động phải có ý thức chấp hành nghiêm nội quy, biện pháp ATLD nhằm hạn chế tối đa tai nạn lao động; bên cạnh đó còn là trách nhiệm của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp... cùng tham gia vào công tác tuyên truyền, giám sát và thực hiện các quy định của pháp luật về ATLD. Do đó, để công tác ATLD đạt được hiệu quả khi các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân tự giác chấp hành, thực hiện tốt quy định pháp luật về ATLD. Điều này, thể hiện tính xã hội rộng rãi và liên quan đến nhiều đối tượng trong xã hội của quy định về ATLD.

*Bốn là, quy định về ATLD đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người lao động.*

Các quy định về ATLD là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm bảo vệ tính mạng và sức khỏe của người lao động. Một khi các chủ thể trong quan hệ lao động chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về ATLD sẽ là điều kiện tiên quyết để hạn chế tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Thực hiện tốt các quy định về ATLD sẽ góp phần giảm tiêu hao lao động và những tổn thất về vật chất; giảm thiểu các chi phí không cần thiết về y tế và bảo hiểm xã hội đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

## **1.2. Khái niệm, ý nghĩa của pháp luật về an toàn lao động**

### **1.2.1. Khái niệm pháp luật an toàn lao động**

*Pháp luật an toàn lao động là hệ thống quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành điều chỉnh quan hệ xã hội liên quan đến an toàn, sức khỏe và phúc lợi người tham gia vào công việc hoặc việc làm nhằm mục tiêu là thúc đẩy một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh như cải thiện điều kiện lao động, ngăn ngừa tai nạn lao động, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động và những chủ thể có liên quan.*

### **1.2.2. Ý nghĩa của pháp luật về an toàn lao động**

#### **1.2.2.1. Ý nghĩa chính trị- pháp lý:**

Pháp luật về ATLD thể hiện chủ trương, quan điểm và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ta đối với nguồn nhân lực của quốc gia nói riêng đối với con người nói

chung; coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Một đất nước có tỷ lệ tai nạn lao động thấp, người lao động khoẻ mạnh, không mắc bệnh nghề nghiệp là một xã hội luôn luôn coi con người là vốn quý nhất, sức lao động, lực lượng lao động luôn luôn được bảo vệ và phát triển.

#### *1.2.2.2. Ý nghĩa xã hội*

An toàn lao động là chăm lo đến đời sống, hạnh phúc của người lao động. Đây vừa là yêu cầu thiết thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời là yêu cầu, là nguyện vọng chính đáng của người lao động. Tai nạn lao động không xảy ra, sức khoẻ của người lao động được đảm bảo thì Nhà nước và xã hội sẽ giảm bớt được những tổn thất trong việc khắc phục hậu quả và tập trung đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội.

#### *1.2.2.3. Ý nghĩa kinh tế*

Thực hiện tốt pháp luật về ATLĐ sẽ đem lại lợi ích kinh tế rõ rệt. Trong sản xuất, nếu người lao động được bảo vệ tốt, có sức khoẻ thì năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm tốt, luôn luôn hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất và công tác.

Nếu để môi trường làm việc không đảm bảo, tai nạn lao động hoặc ốm đau xảy ra nhiều sẽ gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất.

### **1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về quan hệ an toàn lao động**

#### ***1.3.1. Chính sách của Nhà nước về an toàn lao động***

Chính sách của Nhà nước về ATLĐ được quy định toàn diện, từ chủ động đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, xây dựng cơ chế đóng, hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp linh hoạt, hỗ trợ huấn luyện cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động..., đến việc tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng lao động, người lao động, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thực hiện các biện pháp bảo đảm ATLĐ trong quá trình lao động...

#### ***1.3.2. Nguyên tắc bảo đảm ATLĐ***

- Bảo đảm quyền của người lao động được làm việc trong điều kiện an toàn lao động.

- Tuân thủ đầy đủ các biện pháp an toàn lao động trong quá trình lao động; ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, loại trừ, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong quá trình lao động.

- Tham vấn ý kiến tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người sử dụng lao động, Hội đồng về an toàn lao động các cấp trong xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch về an toàn lao động.

#### ***1.3.3. Về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong an toàn lao động***

\* Đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động: quyền và nghĩa vụ của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 6 Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015.

\* Đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động: quyền và nghĩa vụ của người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động được quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 6 Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015.

\* Đối với người sử dụng lao động: quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động được quy định tại Điều 7 Luật vệ sinh an toàn lao động năm 2015

#### ***1.3.4. Biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại cho người lao động***

Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về an toàn lao động. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình trong việc tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục, thói quen mất vệ sinh, gây hại, nguy hiểm cho sức khỏe bản thân và cộng đồng trong quá trình lao động; phổ biến chính sách, pháp luật và kiến thức về an toàn lao động; tổ chức huấn luyện về ATLĐ.

#### ***1.3.5 Về nội quy, quy trình và các biện pháp bảo đảm an toàn lao động tại nơi làm việc***

Người sử dụng lao động căn cứ pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn, vệ sinh lao động và điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, lao động để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động. Người sử dụng lao động phải tổ chức đánh giá, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn lao động; thường xuyên phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động

#### ***1.3.6. Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động***

Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động là máy, thiết bị, vật tư, chất trong điều kiện lưu giữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng hợp lý, đúng mục đích và đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất nhưng trong quá trình lao động, sản xuất vẫn tiềm ẩn khả năng xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người.

Khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, trong hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, chủ đầu tư, người sử dụng lao động phải có phương án bảo đảm an toàn lao động đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường.

Sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, trong thời hạn sử dụng, bảo đảm chất lượng, phải được kiểm định theo quy định, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác; khi đưa vào sử dụng hoặc không còn sử dụng, thải bỏ thì tổ chức, cá nhân phải khai báo với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tại nơi sử dụng theo thẩm quyền quy định trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác; trong quá trình sử dụng tổ chức, cá nhân có trách nhiệm định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

#### ***1.3.7. Quản lý nhà nước về an toàn lao động***

- Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về an toàn lao động; xây dựng, ban hành hoặc công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn lao động theo thẩm quyền được phân công quản lý.

- Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về an toàn lao động.

- Theo dõi, thống kê, cung cấp thông tin về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; xây dựng chương trình, hồ sơ quốc gia an toàn lao động.

- Quản lý tổ chức và hoạt động của tổ chức dịch vụ trong lĩnh vực an toàn lao động.

- Tổ chức và tiến hành nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ về an toàn lao động.

- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn lao động.

- Bồi dưỡng, huấn luyện về an toàn lao động.

- Hợp tác quốc tế về an toàn lao động.

#### **1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ pháp luật về an toàn lao động**

##### **1.4.1. Chính sách pháp luật về an toàn lao động**

Về phía quản lý nhà nước, có thể thấy có rất nhiều chính sách ảnh hưởng đến quan hệ lao động, tuy nhiên quan trọng nhất là Bộ luật Lao động, trong đó quy định về điều kiện lao động, thời gian làm việc, điều kiện làm việc, phúc lợi xã hội,... Bộ luật lao động 2012, bắt buộc tất cả những tổ chức, cá nhân có liên quan đến lao động, sản xuất đều phải tuân theo quy định của pháp luật về ATLĐ. Nói cách khác ở đâu có việc làm, có người lao động thì ở đó cần được bảo đảm về ATLĐ.

##### **1.4.2. Vai trò của Công đoàn**

Vai trò của Công đoàn được thể hiện thông qua tham gia ý kiến, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động được thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau, cụ thể: công đoàn tham gia ký kết thỏa ước lao động tập thể, tham gia các cuộc họp liên quan đến lợi ích người lao động; thay mặt công nhân là nguyên đơn trong các vụ kiện, có thể với tư cách chủ thể hoặc với tư cách đại diện liên quan đến ATLĐ.

##### **1.4.3. Sự giám sát của Công đoàn cấp trên cơ sở**

Nếu như Công đoàn cơ sở là một trong những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ lao động trong doanh nghiệp thì công đoàn cấp trên – công đoàn khu công nghiệp và công đoàn cấp huyện là nhân tố ảnh hưởng gián tiếp nhưng hết quan trọng. Những ảnh hưởng quan trọng đến từ nhiều khâu, như: công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách, giải quyết khiếu nại, tranh chấp lao động; công tác tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước tới người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn; công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở để thực hiện quy định PL về ATLĐ.

##### **1.4.4. Sự nhận thức của người lao động và người sử dụng lao động**

Có thể nói, an toàn lao động hiện nay cần được quan tâm từ nhiều phía. Tuy nhiên, yếu tố tiên quyết vẫn là nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động trên cơ sở thực hiện đúng những quy định của Luật An toàn vệ sinh lao động hiện hành. Do đó, cần tăng cường công tác giáo dục về pháp luật lao động, pháp luật về an toàn lao động cho cả người sử dụng lao động và người lao để giúp họ hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của mình trong quan hệ lao động cũng như nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của họ.

## **Tiểu kết chương 1**

Lao động an toàn là yêu cầu tất yếu khách quan của quá trình sản xuất. Khi tiến hành hoạt động sản xuất, người lao động vừa tác động tới môi trường xung quanh vừa chịu các tác động ngược trở lại của môi trường nơi họ lao động. Môi trường lao động ngày càng đa dạng, phức tạp, nguy hiểm đòi hỏi công tác an toàn, vệ sinh lao động phải được phát triển tương xứng.

Công tác an toàn lao động được thực hiện tốt sẽ giảm thiểu các chi phí về y tế và bảo hiểm xã hội không cần thiết đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cũng như góp phần bảo vệ môi trường sống của con người. Hiệu quả của việc thực hiện tốt công tác này góp phần giảm tới mức thấp nhất sự tiêu hao lao động và những tổn thất về vật chất, con người và môi trường.

An toàn lao động lao động là chính sách kinh tế- xã hội lớn, có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển bền vững và bảo vệ sức khỏe người lao động. Đặc biệt trong cơ chế thị trường hiện nay, khi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận là mối quan tâm hàng đầu của các chủ doanh nghiệp thì vấn đề đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động càng trở nên bức xúc.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật về an toàn lao động**

##### **2.1.1. Các văn bản pháp luật điều chỉnh về an toàn lao động**

1. Bộ luật lao động năm 2012 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 05 năm 2013.

2. Luật An toàn vệ sinh lao động được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.

##### 3. Một số Luật có nội dung liên quan ATLĐ

+ Luật Bảo vệ sức khỏe Nhân dân ban hành năm 1989 với các điều 9, 10, 14 đề cập đến công tác vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất, vệ sinh chất thải trong công nghiệp, trong lao động và trong sinh hoạt.

+ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014 quy định trách nhiệm của người làm công tác y tế trong bảo vệ môi trường, đề cập vấn đề áp dụng công nghệ tiên tiến công nghệ sạch; vấn đề nhập khẩu, xuất khẩu máy móc, thiết bị; những hành vi bị nghiêm cấm có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường; vấn đề an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp ở mức độ nhất định.

+ Luật Phòng cháy và Chữa cháy ban hành năm 2013 quy định người sử dụng lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh phải thành lập các đội phòng cháy, chữa cháy và trang bị các dụng cụ, phương tiện phòng cháy chữa cháy mang tính chất nghĩa vụ.

+ Luật hóa chất số 06/2007/QH12 năm 2007: quy định cụ thể hoạt động hóa chất, an toàn trong hoạt động hóa chất và một số quy định về an toàn vệ sinh lao động trong sử dụng, kinh doanh, vận chuyển hóa chất.

## **2.1.2. Các quy định về bảo đảm an toàn lao động**

### **2.1.2.1. Quy định chung về bảo đảm an toàn lao động**

Pháp luật về an toàn lao động đặt ra các quy định về đảm bảo an toàn chung đối với người lao động trong quá trình lao động nhằm xác định trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc thiết lập điều kiện lao động thuận lợi đối với người lao động. Từ đó hướng tới mục tiêu đảm bảo tại nơi làm việc không tồn tại hoặc tồn tại ở mức thấp nhất các yếu tố nguy hiểm, độc hại vượt quá giới hạn chịu đựng của người lao động về tâm, sinh lí và sức khỏe. Các quy định chung về an toàn lao động thường bao gồm những vấn đề sau:

\* *Quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động nhằm ngăn ngừa sự cố:*

Khi xây dựng mới hoặc mở rộng, cải tạo cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ và tàng trữ các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, phải có luận chứng về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường xung quanh theo quy định của pháp luật. Như vậy, quy định trên đã đặt ra “nền móng” pháp lý về an toàn lao động đối với giới chủ doanh nghiệp ngay từ khi thiết lập cũng như khi mở rộng, phát triển quy mô cơ sở sản xuất kinh doanh liên quan đến việc sử dụng, bảo quản các thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Theo đó, chủ doanh nghiệp phải có “luận chứng” về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường xung quanh. Quy định này đã cho thấy sự điều chỉnh vấn đề an toàn lao động được thể hiện ngay từ đầu- khi xây dựng cơ sở kinh doanh.

\* *Quy định về đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh lao động*

Những quy định về an toàn lao động được Nhà nước thống nhất quy định và tiêu chuẩn hóa. Hệ thống tiêu chuẩn về an toàn lao động gồm hai loại: tiêu chuẩn cấp Nhà nước và tiêu chuẩn cấp ngành. Tiêu chuẩn cấp Nhà nước là tiêu chuẩn bắt buộc thi hành cho nhiều ngành, nhiều nghề trong phạm vi cả nước. Các tiêu chuẩn này do Chính phủ hoặc cơ quan được Chính phủ ủy quyền ban hành.

Tiêu chuẩn cấp ngành, cấp cơ sở là tiêu chuẩn do cơ quan quản lý cấp ngành ban hành phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước và có giá trị bắt buộc thi hành trong phạm vi đối tượng mà tiêu chuẩn quy định áp dụng.

Dựa trên những tiêu chuẩn này, các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động xây dựng hệ thống tiêu chuẩn cho phù hợp với đơn vị mình.

### **2.1.2.2. Quy định về an toàn lao động đối với một số lao động đặc thù**

Ngoài những quy định chung về an toàn lao động như trên, các đối tượng lao động đặc biệt như: lao động chưa thành niên, lao động nữ, lao động cao tuổi và lao động là người tàn tật còn có những quy định đặc thù phù hợp với tính chất riêng biệt của mỗi nhóm đối tượng.

\* *Đối với lao động chưa thành niên:* người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi”. Người lao động chưa thành niên được phân loại gồm: lao động “trẻ em” tức người lao động dưới 15 tuổi và người lao động từ 15 đến dưới 18 tuổi. So với Công ước số 182 của ILO ( tổ chức lao động quốc tế) ngày 01/6/1999 về “ Nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất” thì “ trẻ em” được hiểu là “ tất cả những người dưới 18 tuổi” (



Điều 2). Như vậy, cùng một thuật ngữ pháp lý nhưng giữ BLLĐ nước ta và Công ước của ILO lại có nội hàm không giống nhau. Và ngay trong cùng hệ thống pháp luật quốc gia, nội hàm của khái niệm “trẻ em” của ngành luật lao động cũng khác với ngành luật hình sự. Như vậy, một yêu cầu đặt ra là cần có sự thống nhất về mặt kỹ thuật lập pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam cũng như đảm bảo sự thống nhất khi nội luật hóa các quy định của luật pháp quốc tế.

Lao động chưa thành niên là người lao động có năng lực hành vi lao động hạn chế vì thể lực và trí lực của họ chưa phát triển hoàn toàn đầy đủ. Xuất phát từ điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn của một bộ phận tầng lớp dân cư dẫn đến hiện trạng số lượng không ít người chưa thành niên tham gia vào quá trình lao động sản xuất. Mặt khác, xuất phát từ nhu cầu về việc làm và giải quyết việc làm của thị trường lao động mà việc sử dụng lao động chưa thành niên là một tất yếu. Vì vậy, pháp luật một mặt thừa nhận quyền được tham gia quan hệ lao động của người chưa thành niên; mặt khác, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể lực, trí lực và tâm sinh lý cho người chưa thành niên, pháp luật lao động có những quy định nhằm bảo vệ họ.

Các điều kiện có hại và các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên thì vấn đề đảm bảo an toàn lao động đối với lao động chưa thành niên được thể hiện quy định về những công việc được sử dụng và không được sử dụng người chưa thành niên:

- + Không sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các hóa chất độc hại ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể lực, trí lực của họ;

- + Lao động chưa thành niên (dưới 18 tuổi) chỉ được làm những ngành nghề, công việc mà pháp luật không cấm; riêng trẻ em dưới 15 tuổi, chỉ được phép nhận họ vào làm việc, học nghề, tập nghề khi có sự đồng ý bằng văn bản của cha mẹ hoặc người đỡ đầu của họ.

Quy định về môi trường làm việc không được sử dụng lao động chưa thành niên: môi trường có độ rung, tiếng ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép; nhiệt độ không khí trong nhà xưởng trên 40<sup>0</sup>C về mùa hè và trên 35<sup>0</sup>C về mùa đông hoặc chịu ảnh hưởng của bức xạ nhiệt cao, nơi có áp suất không khí cao hơn hoặc thấp hơn áp suất khí quyển, trong lòng đất, nơi cheo leo nguy hiểm, nơi làm việc không phù hợp với thân kinh, tâm lý người chưa thành niên và nơi có ảnh hưởng xấu đến hình thành nhân cách.

Quy định về các điều kiện lao động và yếu tố có hại khác: Lao động thể lực quá sức (tiêu hao năng lượng trên 4kcal/phút, nhịp tim trên 120 nhịp/phút); tư thế làm việc gò bó, thiếu dưỡng khí; trực tiếp tiếp xúc với các hóa chất có khả năng gây biến đổi gen, gây ảnh hưởng xấu đến chuyển hóa tế bào, gây ung thư, gây bệnh nghề nghiệp và các tác hại khác, gây tác hại sinh sản lâu dài; tiếp xúc với các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm; tiếp xúc với chất phóng xạ; tiếp xúc với điện từ trường ở mức quá giới hạn cho phép.

Quy định về thời giờ làm việc đối với lao động chưa thành niên. Áp dụng ngày làm việc rút ngắn đối với lao động chưa thành niên quá 7 giờ một ngày hoặc 42 giờ một tuần, và chỉ được phép sử dụng họ làm việc ban đêm, làm thêm giờ trong một số nghề, công việc nhất định theo quy định của pháp luật.

Những quy định trên tạo ra một hành lang pháp lý an toàn cho hoạt động lao động của người chưa thành niên. Theo đó, người chưa thành niên không bị sử dụng làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm; không phải làm việc trong môi trường độc hại; được rút ngắn thời giờ làm việc mà vẫn được đảm bảo các quyền lợi... Tất cả nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người chưa thành niên tham gia vào quá trình lao động sản xuất, đáp ứng được nhu cầu việc làm của bản thân, gia đình, xã hội và đặc biệt bảo đảm cho đối tượng đặc thù này sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý... Những quy định trên đã thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta về người chưa thành niên nói chung về lao động chưa thành niên nói riêng.

\* Đối với lao động nữ nói chung: Quy định về công việc và môi trường làm việc không được sử dụng lao động nữ: không được sử dụng lao động nữ làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các hóa chất có ảnh hưởng xấu đến chức năng sinh sản và nuôi con; không được sử dụng lao động nữ làm việc thường xuyên dưới mặt đất, trong hầm mỏ hoặc ngâm mình dưới nước quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi đưa ra 5 điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ, đó là: nơi làm việc có áp suất lớn hơn áp suất khí quyển; nơi làm việc cheo leo nguy hiểm; ngâm mình thường xuyên dưới nước (từ 04 giờ một ngày trở lên, trên 3 ngày 1 tuần); nặng nhọc quá sức (mức tiêu hao năng lượng trung bình trên 5 Kcal/phút, nhịp tim trung bình trên 120/phút); tiếp xúc với nguồn phóng xạ hử. Ngoài ra, thông tư còn ban hành kèm theo danh mục các công việc không được sử dụng lao động nữ (45 công việc). Quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ: Lao động nữ được ưu tiên áp dụng chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, là việc không trọn ngày, trọn tuần, giao việc làm tại nhà, lao động nữ được nghỉ thai sản trong thời gian từ 4-6 tháng,...

\* Đối với lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Quy định về công việc và môi trường làm việc: không được sử dụng đối tượng lao động này làm những công việc và trong môi trường sau: tiếp xúc với điện từ trường quá giới hạn cho phép; trực tiếp tiếp xúc với một số hoá chất mà sự tích lũy của nó trong cơ thể dễ gây biến đổi gen hoặc ảnh hưởng xấu đến tới thai nhi, tới nguồn sữa mẹ, viêm nhiễm đường hô hấp; ngâm mình dưới nước bẩn, dễ bị nhiễm trùng; nhiệt độ không khí trong nhà xưởng từ 40°C trở lên về mùa hè...; môi trường lao động có độ rung cao hơn tiêu chuẩn cho phép; sử dụng các loại máy, thiết bị có độ rung toàn thân và rung cục bộ cao hơn tiêu chuẩn cho phép; tư thế làm việc gò bó hoặc thiếu dưỡng khí. Ngoài ra, chi tiết 34 công việc không được sử dụng lao động nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

### *2.1.2.3. Quy định về an toàn lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh*

\* Kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc:

- Người sử dụng lao động phải tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng cho người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng.

\* Cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động:

- Người sử dụng lao động phải thường xuyên phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

- Khuyến khích người sử dụng lao động áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm cải thiện điều kiện lao động, bảo đảm an toàn lao động cho người lao động.

\* Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động:

- Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động là máy, thiết bị, vật tư, chất trong điều kiện lưu giữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng hợp lý, đúng mục đích và đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất nhưng trong quá trình lao động, sản xuất vẫn tiềm ẩn khả năng xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người.

- Khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: Trong hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, chủ đầu tư, người sử dụng lao động phải có phương án bảo đảm an toàn lao động đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường.

### **2.1.3. Đánh giá chung các quy định về bảo đảm an toàn lao động**

\* *Thành công:*

- Việc ra đời Bộ luật Lao động quy định về an toàn lao động quy định các nguyên tắc về an toàn lao động. Đây là lần đầu tiên, các quy định Bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động được quy định tại một văn bản luật đã có những quy định phù hợp hơn đối với điều kiện sản xuất kinh doanh, góp phần kịp thời thể chế hoá quan điểm, đường lối xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, trong đó chú trọng đến việc bảo đảm tính mạng và sức khỏe người lao động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo vệ, duy trì nguồn lực con người và sự phát sự phát triển ổn định, bền vững của nền kinh tế quốc dân, phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước từng thời kỳ và từng bước hội nhập quốc tế.

- Bộ luật Lao động và Luật ATLĐ đã đề cập những yêu cầu, nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động, các cơ quan quản lý và các chế độ, chính sách cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cho những đối tượng lao động làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; các yêu cầu với lao động nữ, lao động vị thành niên, lao động là người cao tuổi.

- HTPL đã xác lập cụ thể trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền của người sử dụng lao động, người lao động và các cơ quan, tổ chức liên quan; quy định về hệ thống quản lý an toàn trong các cơ sở lao động; đưa ra các chế độ về bảo hộ lao động, an toàn lao động cho các đối tượng lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, chế độ cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các quy định phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động góp phần quan trọng cho việc bảo đảm an toàn cho lực lượng lao

động trong các cơ sở lao động, sử dụng và quản lý lao động linh hoạt trong các doanh nghiệp, tạo môi trường lao động ổn định, hài hòa; tạo môi trường kinh doanh tốt, thu hút doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài đến Việt Nam hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng lao động Việt Nam, phát triển thị trường lao động trong nước và mở rộng thị trường lao động ở nước ngoài.

- Quá trình hình thành và từng bước hoàn thiện các quy định pháp luật về an toàn lao động đã đảm bảo đúng các yêu cầu và trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc xây dựng các quy định về an toàn lao động là sự pháp điển hoá dựa trên tổng kết kinh nghiệm lịch sử về công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động và quản lý lao động của đất nước; tiếp thu các Điều ước, Công ước quốc tế mà nước ta đã phê chuẩn, các thông lệ quốc tế; tham khảo rộng rãi và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm xây dựng pháp luật lao động của các quốc gia trên thế giới, trong đó có các quốc gia thành viên ASEAN.

*\* Một số tồn tại, hạn chế*

- Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng về khoa học công nghệ có tác động rất lớn đến môi trường lao động và quan hệ lao động. Do đó, một số quy định của pháp luật về an toàn lao động còn chưa theo kịp sự phát triển của kinh tế thị trường, chưa đáp ứng các yêu cầu của hội nhập thương mại quốc tế, chưa thể hiện rõ sự bình đẳng của các bên trong quan hệ lao động tập thể, chưa bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp; chưa đáp ứng được việc điều chỉnh đối với khu vực không có quan hệ lao động; nhiều tiêu chuẩn, quy chuẩn ban hành đã lâu, trở nên lạc hậu so với tiến bộ khoa học - công nghệ, sự phát triển của sản xuất kinh doanh.

- Cùng với Bộ luật Lao động, Luật An Toàn vệ sinh lao động là cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo an toàn lao động. Tuy nhiên, các quy định về an toàn lao động vẫn chưa thống nhất và toàn diện, vẫn còn tình trạng chồng chéo, trùng lặp các quy định về ATVSLĐ trong các văn bản pháp luật như Luật Hóa chất, Luật Khoáng sản, Luật Công đoàn...tiếp đó lại có nhiều văn bản hướng dẫn khác nhau gây khó khăn cho công tác áp dụng; qui định danh mục nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong nhiều văn bản, gây khó khăn trong công tác tra cứu, thực thi. Thực tế, một doanh nghiệp phải chấp hành các quy định của nhiều luật và các văn bản quy phạm pháp luật về ATVSLĐ khác nhau.

- Quy định về an toàn lao động chưa phù hợp và còn vướng mắc trong việc áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ (chiếm 95% tổng số doanh nghiệp) và lao động trong khu vực không có quan hệ lao động (chiếm gần 60% lực lượng lao động).

- Chưa có quy định rõ ràng, cụ thể có quy định cụ thể về vị trí, vai trò của tổ chức đại diện người sử dụng lao động, của hội nông dân và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong việc tham gia bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động nên trong áp dụng thực tiễn còn lúng túng.

## **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về an toàn lao động tại Quảng Trị hiện nay**

### **2.2.1. Thành tựu thực hiện pháp luật về an toàn lao động**

*Thứ nhất, tỉnh Quảng trị đã thực hiện tốt việc đảm bảo môi trường lao động lành mạnh và an toàn, nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa các nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.*

Thời gian vừa qua các cấp, các ngành, các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh đã triển khai thực hiện các quy định của Bộ luật Lao động về công tác an toàn vệ sinh lao động, Luật An toàn vệ sinh lao động, Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 18 tháng 9 năm 2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Kế hoạch số 76/KH/TU ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Tỉnh ủy "Về đẩy mạnh công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế", từ đó đã tạo sự chuyển biến khá tốt, nâng cao nhận thức trách nhiệm của người sử dụng lao động và ý thức của người lao động trong việc thực hiện công tác ATLĐ, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tỉnh đã thực hiện tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện ATLĐ cho người lao động để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cũng như nội quy, quy trình, quy phạm đảm bảo ATLĐ trong quá trình làm việc; kiện toàn các bộ phận, cán bộ làm công tác ATLĐ của doanh nghiệp, phân công trách nhiệm cụ thể theo từng lĩnh vực chuyên môn. yêu cầu trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động đảm bảo chất lượng, phù hợp với nghề nghiệp lao động; thường xuyên cải thiện điều kiện lao động đảm bảo ATLĐ trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

*Thứ hai, tỉnh Quảng Trị đã cải thiện điều kiện làm việc, giảm ô nhiễm môi trường lao động; ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; chăm sóc sức khỏe người lao động; nâng cao nhận thức, bảo đảm sự tuân thủ pháp luật về an toàn lao động, bảo đảm an toàn thân thể và tính mạng cho người lao động, tài sản của nhà nước, tài sản của doanh nghiệp của tổ chức, góp phần vào sự phát triển bền vững.*

Các doanh nghiệp trên địa bàn áp dụng hiệu quả một số nội dung cơ bản của hệ thống quản lý an toàn lao động bước đầu xây dựng văn hóa an toàn trong lao động. Trên 90% số người làm công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác an toàn lao động cấp huyện và trong các ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao được tập huấn nâng cao năng lực về an toàn lao động. Trên 80% số người lao động làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; trên 80% số người làm công tác an toàn lao động, người làm công tác y tế; 90% số an toàn, vệ sinh viên trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh được huấn luyện an toàn lao động. Trên 80% số người thuộc lực lượng sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc được huấn luyện cập nhật về sơ cứu, cấp cứu. Trên 80% số làng nghề, trên 70% số hợp tác xã có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được tiếp cận thông tin phù hợp về an toàn lao động. 100% người lao động đã xác nhận bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được điều trị và phục hồi chức năng lao động theo quy định của pháp luật. 100% số vụ tai nạn lao động chết người được khai báo, điều tra, xử lý theo quy định pháp luật.

*Thứ ba, tỉnh Quảng Trị đã thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn lao động:*

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về An toàn, vệ sinh lao động từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã, phường. Mua sắm máy, trang thiết bị để phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATLĐ như: Quản lý, lưu trữ dữ liệu về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và thống kê tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý và theo dõi các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao

động lao động, số người lao động làm việc trong môi trường lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm ...Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hệ thống thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn lao động.

*Thứ tư, Quảng trị đã đặc biệt coi trọng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện, tư vấn về an toàn lao động:*

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về công tác ATLĐ cho người sử dụng lao động và người lao động về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động và tổ chức huấn luyện ATLĐ cho người lao động sử dụng các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, người làm các nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Kinh phí của tỉnh Quảng Trị thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện, tư vấn về an toàn lao động giai đoạn 2016 – 2020 đã được duyệt là Tổng kinh phí: 5.200 triệu đồng: Năm 2016: 450 triệu đồng; Năm 2017: 1.200 triệu đồng; Năm 2018: 1.200 triệu đồng; Năm 2019: 1.200 triệu đồng; Năm 2020: 1.200 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách trung ương: 4.600 triệu đồng; Ngân sách địa phương: 400 triệu đồng và Doanh nghiệp đóng góp: 200 triệu đồng

### **2.2.2. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về an toàn lao động**

*Thứ nhất, một số vướng mắc trong việc thực hiện các quy định pháp luật về an toàn lao động đối với lao động đặc thù*

- Quảng trị chưa giải quyết đồng bộ các giải pháp đảm bảo về An toàn đối với lao động đặc thù. Còn nhiều đối tượng lao động đặc thù chưa được quy định cụ thể về các quyền, lợi ích hợp pháp trong quan hệ lao động về an toàn lao động, như các đối tượng: người lao động thuê lại; người lao động Việt Nam được cử đi làm việc ở nước ngoài; lao động là người giúp việc gia đình; người lao động nhận công việc về làm tại nhà. Tại nơi làm việc có nhiều người lao động thuộc nhiều người sử dụng lao động cùng làm việc, gồm các công trường xây dựng có nhiều nhà thầu cùng hoạt động, các khu làm việc chung của nhiều cơ sở lao động, có chung môi trường lao động, điều kiện làm việc, nhưng có những yếu tố điều kiện riêng. Do đó, cần có sự phối hợp trong quản lý, thông tin và huấn luyện an toàn lao động để đảm bảo mọi người lao động đều nắm rõ các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc để phòng tránh hiệu quả.

- Một số trường hợp người lao động cao tuổi làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ người lao động cao tuổi, nhưng các điều kiện để sử dụng đối tượng này chưa được quy định cụ thể.

- Đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ, nhà xưởng, thiết bị sản xuất phần lớn là những thiết bị cũ, lạc hậu, mua lại hoặc chưa có điều kiện để mua sắm mới, trình độ công nghệ thấp, người sử dụng lao động và người lao động hiểu biết về Pháp luật lao động còn rất ít, tổ chức công đoàn cơ sở hầu như chưa có. Vì vậy, việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động ở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất này chỉ thực hiện một số nội dung như: sử dụng một số trang bị bảo vệ cá nhân đơn giản, có nội quy an toàn lao động nhưng ở trình độ và mức độ thấp, người sử dụng lao động, người lao động đều thiếu những kiến thức và hiểu biết cần thiết về Pháp luật và chuyên môn nên còn nhiều tồn tại.

- Lúng túng trong việc tổ chức thực hiện công tác kiểm định kỹ thuật an toàn vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu của sản xuất ngày càng phát triển, các tổ chức kiểm định còn nhỏ lẻ, đội ngũ kiểm định viên chưa được đào tạo bài bản theo chuẩn mực, các trang thiết bị phục vụ kiểm định còn lạc hậu không đáp ứng yêu cầu thử nghiệm thiết bị, cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức kiểm định cũng chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập và xã hội hóa các hoạt động dịch vụ kỹ thuật; việc kiểm soát chất lượng hiện nay cũng mới được thực hiện chặt chẽ đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, mà chưa kiểm soát chất lượng ngay từ nguồn, kiểm soát trong quá trình lưu thông, việc kiểm soát còn mang tính thụ động, đơn lẻ từng lô sản phẩm, hoặc thậm chí từng sản phẩm, hàng hóa mà chưa tiến hành quản lý theo hệ thống.

- Theo báo cáo, tai nạn lao động có xu thế tăng, số liệu thống kê báo cáo chủ yếu được thu thập từ các doanh nghiệp lớn. Vì vậy, còn rất nhiều những trường hợp tai nạn và tử vong tại nơi làm việc của các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa được thống kê, báo cáo. Nhiều tai nạn lao động nói chung và tai nạn chết người trong khu vực không có quan hệ lao động (trong nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, các hộ sản xuất) không được thống kê điều tra bởi cơ quan có thẩm quyền để xác định nguyên nhân tai nạn, từ đó có những khuyến cáo, hướng dẫn phòng ngừa tai nạn tương tự tiếp diễn.

*Thứ hai, một số mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về ATLD trong đối với cơ sở sản xuất kinh doanh*

- Tổ chức, bộ máy, bố trí nhân lực làm công tác quản lý an toàn lao động không phù hợp với mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa có những quy định về tiêu chuẩn, trách nhiệm của người làm công tác an toàn lao động. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, những liên doanh có vốn đầu tư ít, năng lực sản xuất thấp, đầu tư trong những lĩnh vực, ngành nghề như: dệt may, chế biến và xây dựng công nghiệp, các khâu kiểm định, thẩm tra ngay từ đầu không bố trí nhân lực làm công tác an toàn lao động, do đó, việc thực hiện các quy định về an toàn lao động và các quy chuẩn, tiêu chuẩn lao động, thời gian lao động còn nhiều vi phạm nghiêm trọng.

- Quảng Trị đã coi trọng nhưng chưa toàn diện vai trò, trách nhiệm của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và xã hội nghề nghiệp. Hoạt động tích cực của công đoàn đã góp phần xây dựng và phát triển các hoạt động an toàn lao động, được thể hiện trên các mặt sau: công đoàn tham gia hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật về an toàn lao động bằng nhiều hình thức như tham gia soạn thảo trực tiếp hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản, góp ý trực tiếp thông qua các diễn đàn với cơ quan nhà nước. Công đoàn tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục và tư vấn pháp luật an toàn lao động cho người lao động thông qua nhiều hình thức như phát hành tài liệu, tổ chức tập huấn, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật lao động trong đó nội dung an toàn lao động chiếm chủ đạo.

## **Tiểu kết chương 2**

Bên cạnh việc không ngừng hoàn thiện các quy định pháp luật về ATLĐ cho phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước, công tác giáo dục, tuyên truyền, huấn luyện, tư vấn ATLĐ được đẩy mạnh, từng bước hình thành phong trào thi đua bảo đảm ATLĐ, xây dựng văn hóa an toàn trong lao động. Vì vậy, tần suất tai nạn lao động chết người trong một số lĩnh vực có nguy cơ cao (khai thác khoáng sản, xây dựng, sử dụng điện...), tỷ lệ người mắc mới bệnh nghề nghiệp hằng năm có xu hướng giảm, sức khỏe của người lao động nhìn chung được bảo đảm, góp phần bảo vệ nguồn nhân lực xã hội, thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định xã hội và hội nhập quốc tế. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc tổ chức thực hiện công tác ATLĐ vẫn còn một số yếu kém sau đây:

- Việc tuân thủ pháp luật về ATLĐ của nhiều doanh nghiệp chưa nghiêm, nhất là trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ; nhiều doanh nghiệp thực hiện các quy định chỉ để đối phó sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước;

- Số lượng người được huấn luyện về ATLĐ năm sau tăng so với năm trước nhưng vẫn đạt tỷ lệ thấp, còn cách xa so với tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động, nhiều người lao động chưa được huấn luyện ATLĐ. Người lao động chuyển từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp, chưa quen với tác phong công nghiệp và bị hạn chế về kỹ luật lao động, thiếu được huấn luyện về ATLĐ nên chưa hiểu biết đầy đủ về các mối nguy hiểm cần phải đề phòng. Việc đo, kiểm tra định kỳ các yếu tố có hại trong môi trường lao động, việc tổ chức quản lý sức khỏe người lao động tuy được tăng cường nhưng vẫn còn rất hạn chế (số nơi làm việc, số người lao động thuộc diện quản lý chiếm chỉ khoảng 10% tổng số).

## **Chương 3**

### **ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

#### **3.1. Phương hướng hoàn thiện, thực thi pháp luật an toàn lao động**

##### **3.1.1. Quan điểm xây dựng hoàn thiện, thực thi pháp luật**

*- Việc hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động phải trên cơ sở và phù hợp với chính sách của Đảng, Nhà nước đối với người lao động nói chung, đối với vấn đề bảo hộ lao động và việc đảm bảo an toàn lao động cho người lao động nói riêng.*

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII cũng nêu rõ: “Chú trọng bảo đảm an toàn lao động”. Ngoài những chính sách chung về bảo hộ lao động đối với người lao động, Đảng, Nhà nước ta còn quan tâm đến các đối tượng lao động đặc thù như: lao động nữ, lao động chưa thành niên...

Từ những quan điểm, chính sách của Đảng về Bảo hộ lao động, Nhà nước ta đã thể chế hóa thành các quy định pháp luật mang tính bắt buộc, áp dụng chung trong xã hội. Quản lý Nhà nước về công tác bảo hộ lao động được thực hiện thông qua hệ thống các văn bản pháp luật, bao gồm các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật an toàn vệ sinh, quy phạm về quản lý và các chế độ cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu đảm bảo an toàn tính mạng và sức khỏe người lao động trong lao động sản xuất... Do vậy, khi sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về an toàn lao động, một trong những nguyên tắc mang tính nền tảng đó là phải xuất phát từ những chủ trương,



đường lối của Đảng về chính sách bảo hộ lao động nói chung, về an toàn lao động nói riêng. Việc hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động vừa phải đảm bảo kế thừa những hạt nhân hợp lý của quá trình pháp điển hóa trước đó vừa đảm bảo phù hợp với thực tiễn trình độ của nền kinh tế- xã hội nước nhà đương đại.

*- Việc hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động phải được thực hiện đồng bộ giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cũng như đồng bộ với các chính sách pháp luật khác và các lĩnh vực khác có liên quan.*

Hiện nay, công tác đảm bảo an toàn lao động được phân cấp giữa nhiều cơ quan Nhà nước khác nhau. Cơ quan trực tiếp quản lý về an toàn lao động ở cấp Trung ương hiện nay là Bộ Lao động và thương binh và xã hội ( Cục an toàn lao động), ở địa phương là các sở, các phòng lao động và thương binh xã hội. Bên cạnh đó, các cơ quan khác cũng liên quan đến công tác an toàn lao động như: Bộ Y tế, Bộ Khoa học- công nghệ và môi trường ...tùy vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể trong công tác quản lý Nhà nước về an toàn lao động mà các cơ quan này có trách nhiệm khác nhau trong công tác quản lý an toàn lao động; đồng thời các bộ, ngành này còn phải phối hợp với nhau trong việc thực hiện chức năng quản lý lĩnh vực này. Chính vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động muốn đạt hiệu quả cao thì phải được thực hiện đồng bộ giữa các cơ quan hữu quan này.

*- Việc hoàn thiện pháp luật về an toàn lao động phải đáp ứng được các yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa, phát triển đất nước, phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của đất nước*

Như phần trên đã phân tích, hiện trạng pháp luật về an toàn lao động ở nước ta hiện nay vẫn còn tồn tại một số quy định khó thực thi trong thực tế. Một trong những lí do khiến quy định của pháp luật trở thành “ lí tưởng” so với điều kiện thực tế của các doanh nghiệp là không phù hợp, không tương xứng với điều kiện cơ sở vật chất cụ thể của các đơn vị sản xuất kinh doanh nói riêng với trình độ phát triển của nền kinh tế- xã hội của đất nước nói chung.

*- Phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ lao động.* Hội nhập là một quá trình khách quan và là xu hướng vận động chủ yếu của nền kinh tế thế giới. Việt Nam đang chủ động tham gia vào quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế- xã hội. Công tác quản lý sản xuất nói chung, quản lý an toàn lao động cũng đang thay đổi để bắt kịp tình hình mới. Bước hội nhập quan trọng trong lĩnh vực an toàn lao động phải kể đến trước tiên đó là Việt Nam tham gia Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) năm 1980- một tổ chức được thành lập năm 1919 với mục tiêu thúc đẩy công bằng xã hội và bảo vệ các quyền lao động và quyền con người. Đến nay, ILO đã thông qua 187 Công ước và 197 Khuyến nghị. Trong đó có 26 Công ước và khoảng 15 Khuyến nghị liên quan đến ATVSLĐ. Tính đến nay, Việt Nam đã phê chuẩn, gia nhập khoảng 17 công ước của ILO, trong đó có Công ước số 155 năm 1981 về an toàn lao động và môi trường làm việc (phê chuẩn ngày 3/10/1994), theo đó các quốc gia phê chuẩn Công ước có trách nhiệm: “ hình thành và thực hiện chính sách quốc gia chặt chẽ về an toàn lao động, sức khỏe trong lao động và môi trường làm việc...”. Năm 2006, Việt Nam đã tham dự chương trình nghị sự về an toàn lao động tại phiên họp Hội nghị Lao động quốc tế lần thứ 95 tại Giơ-ne-vơ và đã bỏ phiếu

thông qua Công ước số 187 và Khuyến nghị 197 về cơ chế thúc đẩy an toàn lao động.

### **3.1.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật an toàn lao động**

*Một là*, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động, cần thiết phải có một hệ thống quản lý thống nhất ATLĐ, do một Bộ, thường là Bộ Lao động chủ trì. Tại một số quốc gia, các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, huấn luyện và triển khai hoạt động ATLĐ được cấp kinh phí hoạt động chủ yếu từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động (đóng góp từ NSDLĐ). Chính phủ chỉ cấp kinh phí cho các hoạt động quản lý như thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước. Đây là một kinh nghiệm mà Việt Nam có thể áp dụng để giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng tính xã hội hóa các hoạt động ATLĐ.

*Hai là*, đổi mới quy định về mô hình quản lý, triển khai hoạt động huấn luyện ATLĐ của các tổ chức ATLĐ nói chung là mô hình rất hiệu quả và thống nhất, nhưng vẫn được xã hội hóa rất cao, giúp cho các doanh nghiệp, đối tượng huấn luyện tiếp cận các dịch vụ huấn luyện một cách dễ dàng. Đồng thời, hệ thống chương trình, tài liệu được quản lý thống nhất trên cơ sở nghiên cứu, đóng góp của các tổ chức khoa học, giáo dục và các chuyên gia huấn luyện hàng đầu; lực lượng giảng viên chuyên nghiệp. Kinh phí phòng ngừa tai nạn lao động được đầu tư qua hoạt động giáo dục, huấn luyện an toàn, sức khỏe trích từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động là một kinh nghiệm mà nhiều quốc gia đã triển khai. Đây là mô hình mà Việt Nam chúng ta có thể áp dụng ngay một phần, nếu có chính sách đầu tư từ Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

*Ba là*, kiểm tra chất lượng, kiểm định an toàn các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ và phương tiện bảo vệ cá nhân là hoạt động bắt buộc để đánh giá chất lượng và độ an toàn của phương tiện, thiết bị trước khi đưa ra thị trường và trong quá trình sử dụng. Hoạt động kiểm tra, kiểm định, chứng nhận là dịch vụ kỹ thuật do một tổ chức có uy tín cung cấp sẽ đảm bảo giúp cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động quản lý hoạt động kiểm tra, chứng nhận và quản lý đội ngũ kỹ thuật viên kiểm tra, kiểm định, nội dung, các yêu cầu an toàn của từng máy, thiết bị.

*Bốn là*, đổi mới quy định cách tiếp cận để phòng ngừa tai nạn, theo đó tiếp cận dựa vào rủi ro để tăng cường cấp độ ATLĐ trên tổng thể; tăng cường cách tiếp cận thông thường trong những lĩnh vực nguy cơ cao; các mục tiêu và biện pháp cụ thể được mô tả rõ ràng trong các lĩnh vực ưu tiên; cải thiện liên tục cấp độ ATLĐ thông qua việc giới thiệu cách tiếp cận hệ thống quản lý ở cấp quốc gia.

*Năm là*, Đề xuất sửa đổi bổ sung quản lý máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất và yêu cầu của Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại, trong thời gian tới cần phải tiến hành đồng bộ hàng loạt nhiệm vụ như: nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động trong các quá trình sản xuất, đặc biệt là những quá trình sản xuất có nhiều nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

- Quy định cụ thể về trách nhiệm của các Bộ về đề xuất danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

- Quy định về quản lý an toàn trong nhập khẩu, sản xuất lưu thông và sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

- Quy định về trách nhiệm của các tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

*Sáu là*, Đề xuất sửa đổi bổ sung quản lý khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động. Đề xuất sửa đổi, bổ sung rõ ràng hơn nữa:

- Quy định rõ về tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

- Quy định về phân loại tai nạn lao động theo mức độ nghiêm trọng đối với người lao động, bao gồm tai nạn lao động nhẹ, tai nạn lao động nặng và tai nạn lao động chết người.

- Quy định về trách nhiệm khai báo tai nạn lao động chết người hoặc tai nạn lao động nặng làm bị thương từ 02 người lao động trở lên của người sử dụng lao động; nếu xảy ra trong các lĩnh vực đặc thù (bao gồm năng lượng nguyên tử; thăm dò, khai thác dầu khí; hàng hải, hàng không, đường sắt) thì ngoài việc khai báo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động nơi đặt trụ sở chính của người sử dụng lao động, thì người sử dụng lao động phải khai báo với Bộ được giao trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực đó hoặc với cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với tai nạn lao động chết người trong khu vực không có quan hệ lao động. Bổ sung qui định khi xảy ra tai nạn trong quá trình lao động làm chết người lao động không có quan hệ lao động thì gia đình nạn nhân có trách nhiệm khai báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn;

*Bảy là*, đề xuất sửa đổi bổ sung quản lý an toàn lao động đối với lao động đặc thù cụ thể hơn nữa:

- Cần Luật hoá điều kiện để sử dụng người lao động cao tuổi làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ người lao động cao tuổi.

- Quy định rõ ràng hơn trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ Quy định rõ ràng hơn chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các điều kiện cụ thể đối với từng trường hợp đặc biệt sử dụng người lao động cao tuổi trong lĩnh vực, ngành, nghề thuộc thẩm quyền quản lý.

- Quy định rõ ràng hơn các nội dung chính về trách nhiệm của Doanh nghiệp cho thuê lại lao động và bên thuê lại lao động về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động thuê lại.

- Quy định rõ ràng hơn trách nhiệm của những người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động tại nơi làm việc có nhiều người lao động thuộc nhiều người sử dụng lao động cùng làm việc

*Tám là*, đề xuất sửa đổi bổ sung quản lý tổ chức bộ máy quản lý an toàn lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

- Quy định rõ ràng hơn trách nhiệm đối với người sử dụng lao động xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân định trách nhiệm về công tác an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở.

- Quy định rõ ràng hơn nội dung, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho người sử dụng lao động trong việc tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động tại

cơ sở sản xuất, kinh doanh của bộ phận an toàn, vệ sinh lao động, bộ phận y tế doanh nghiệp.

- Quy định rõ ràng hơn nchi tiết trách nhiệm, quyền của mạng lưới an toàn - vệ sinh viên.

- Quy định rõ ràng hơn việc Hội đồng bảo hộ lao động ở doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh là tổ chức phối hợp, tư vấn về hoạt động an toàn, vệ sinh lao động và bảo đảm quyền được tham gia và kiểm tra giám sát về công tác an toàn, vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Bảo hộ lao động.

- Đề xuất sửa đổi bổ sung Quy định rõ ràng hơn vai trò, trách nhiệm của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và xã hội nghề nghiệp

- Quy định rõ ràng hơn chung về quyền, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức thành viên.

- Quy định rõ ràng hơn rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong công tác ATVSLĐ; nội dung ATVSLĐ phải phù hợp và tôn trọng nguyên tắc “phát triển bền vững”; công tác ATVSLĐ phải luôn gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe của nhân dân, sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên; phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường và việc làm bền vững.

- Bổ sung Quy định rõ ràng hơn về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội nông dân Việt Nam, Tổ chức đại diện người sử dụng lao động.

- Bổ sung Quy định rõ ràng hơn về sự tham gia, trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội- nghề nghiệp trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

*Chín là*, cần xem xét và mở rộng quy định của Luật ANLĐ về đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh, cần bao quát tới tất cả các đối tượng lao động có quan hệ lao động và không có quan hệ lao động (trong doanh nghiệp, ngoài doanh nghiệp, lao động trong nông nghiệp, lao động gia đình...). Tuy nhiên, việc mở rộng đối tượng này cũng cần được nghiên cứu, có lộ trình để bảo đảm tính khả thi của Luật.

Nội dung điều chỉnh cần đầy đủ, bao trùm cả nội dung về cải thiện điều kiện lao động, gắn ATLĐ với bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu; chương trình mục tiêu quốc gia về ATLĐ; văn hóa phòng ngừa TNLĐ, BNN; vấn đề xã hội hóa công tác ATLĐ và cơ chế huy động nguồn lực cho công tác ATLĐ; về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ATLĐ; trách nhiệm của Nhà nước, NSDLĐ, NLĐ và các đối tượng liên quan về ATLĐ; cơ chế quản lý, hoạt động đối với các cơ sở dịch vụ về ATLĐ hướng định xã hội hóa cao; các chính sách, chế độ đối với NLĐ trong lĩnh vực ATLĐ, quỹ bồi thường TNLĐ, BNN; đào tạo, huấn luyện về ATLĐ; cơ chế giám sát, chế tài xử phạt nghiêm minh và đủ để Luật được thực hiện nghiêm.

### **3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về an toàn lao động**

#### **3.2.1. Một số giải pháp chung**

*Một là*, Tiếp tục đổi mới và triển khai sâu rộng công tác tuyên truyền, phổ biến Luật ATLĐ đến các đối tượng, chủ thể có liên quan. Tổ chức tốt các hoạt

động thiết thực, có hiệu quả nhằm thúc đẩy các chương trình, hành động cải thiện điều kiện lao động trong các doanh nghiệp, khu vực làng nghề và nâng cao ý thức, nhận thức của các cấp chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong dịp tổ chức Tháng hành động về ATLĐ năm 2018.

*Hai là*, Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, huấn luyện về ATLĐ và các hoạt động phòng ngừa, đánh giá rủi ro giúp DN và NLĐ chủ động phòng ngừa, hạn chế các TNLĐ, BNN; thúc đẩy và đề cao vai trò đảm bảo quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn, Hội nông dân Việt Nam, Liên minh hợp tác xã VN, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các thành viên của mặt trận và các tổ chức xã hội khác trong việc thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động. Người sử dụng lao động, người lao động cũng cần chủ động trang bị kiến thức, kỹ năng về ATLĐ; thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình được quy định trong Luật.

*Ba là*, Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về ATLĐ theo Kế hoạch do Bộ LĐTBXH phê duyệt nhằm kịp thời phát hiện các sai phạm để ngăn ngừa TNLĐ. Thanh tra các tổ chức huấn luyện, kiểm định có vi phạm trong hoạt động huấn luyện, kiểm định để kịp thời xử lý, nâng cao chất lượng và tạo sự công bằng trong các tổ chức dịch vụ này.

Bốn là, cần bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác ATLĐ trong các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là các cán bộ ở cấp quận, huyện, xã. Trong bối cảnh biên chế, nhân lực làm công tác này hiện nay được coi là khá mỏng thì việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phân cấp hợp lý và tăng cường trách nhiệm của từng cấp từng ngành là quan trọng, nhất là cấp quận, huyện, thị xã.

### **3.2.2. Một số giải pháp tại tỉnh Quảng Trị**

*Một là*, cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý Nhà nước về ATLĐ thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra, qua đó phát hiện và xử lý nghiêm các đơn vị, doanh nghiệp chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định pháp luật về ATLĐ, trong đó có quy định về mạng lưới ATV.

*Hai là*, cần quy định cụ thể hơn về nhiệm vụ, quyền hạn của ATV về các cơ chế bảo đảm thực hiện các quyền này, cũng như quy định chế tài xử lý nghiêm khắc đối với các hành vi vi phạm. Bên cạnh đó, cần tăng cường các hoạt động thông tin, tuyên truyền cho NLĐ, NSDLĐ thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của mạng lưới ATV để NSDLĐ hiểu và tạo điều kiện cho mạng lưới ATV hoạt động và NLĐ hiểu và hợp tác tốt với mạng lưới ATLĐ trong công tác phòng ngừa TNLĐ, BNN ở đơn vị, doanh nghiệp.

*Ba là*, đối với tổ chức công đoàn, nhất là công đoàn cơ sở cần tăng cường quản lý và chỉ đạo hoạt động của mạng lưới ATV; chủ động lựa chọn những công nhân lành nghề, gương mẫu, có uy tín để giới thiệu cho tập thể lao động bầu chọn làm ATV; chủ động tham gia cùng chuyên môn xây dựng quy chế hoạt động của mạng lưới ATV; đề xuất các cơ chế hoạt động cho ATV trong Thỏa ước lao động tập thể trong nội quy, quy chế của đơn vị; hàng năm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động cho ATV; duy trì chế độ sinh hoạt động của mạng lưới ATV 1 lần/tháng; định kỳ hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá khen thưởng, động viên kịp thời với những ATV có thành tích.

*Bốn là*, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, người lao động về ATLĐ trong đó tập trung vào các ngành, nghề có nguy cơ cao về mất ATLĐ. Triển khai công tác huấn luyện cho người sử dụng lao động, người làm công tác ATLĐ, người lao động theo đúng quy định.

*Năm là*, tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học về ATLĐ; chỉ đạo và tổ chức rà soát lại các tiêu chuẩn kỹ thuật ATLĐ hiện hành để sửa đổi, bổ sung và xây dựng các tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật phù hợp với trình độ công nghệ, thiết bị mới; thực hiện giao các đề tài khoa học trên cơ sở đặt hàng của các cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực ATLĐ; Xây dựng hoàn thiện chương trình, giáo trình và tài liệu huấn luyện về ATLĐ để đưa vào giảng dạy trong các trường đại học kỹ thuật, cao đẳng trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; tiêu chuẩn hóa giáo viên giảng dạy về ATLĐ;

*Sáu là*, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ làm công tác ATLĐ phù hợp, đáp ứng nhiệm vụ công tác. Trước mắt cần tập trung giải quyết biên chế cho cơ quan thanh tra lao động phù hợp với số lượng các doanh nghiệp ở địa phương để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra ATLĐ. Nghiên cứu đề xuất việc thành lập thanh tra chuyên ngành về ATLĐ hoặc giao chức năng thanh tra chuyên ngành ATLĐ cho các cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực này.

*Bảy là*, chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý, đặc biệt là các ngành, nghề có nguy cơ cao về mất ATLĐ, phải xây dựng các quy trình, biện pháp làm việc bảo đảm ATVSLĐ; tăng cường tự kiểm tra, rà soát và chấn chỉnh ngay việc thực hiện pháp luật lao động về ATLĐ; bố trí đủ cán bộ và tổ chức tốt việc huấn luyện ATLĐ cho người lao động theo quy định.

*Tám là*, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm về ATLĐ, trong đó lưu ý trách nhiệm của người sử dụng lao động và cán bộ quản lý, tập trung vào các ngành, nghề có nguy cơ cao về mất ATLĐ. Kiên quyết đình chỉ những cơ sở vi phạm nghiêm trọng.

### **Tiểu kết chương 3**

Trong hầu hết các lĩnh vực của công tác đảm bảo an toàn lao động, các doanh nghiệp Nhà nước cũng như doanh nghiệp ngoài Nhà nước đã có những chính sách, chế độ đối với người lao động nhằm chấp hành và triển khai các quy định của pháp luật trong thực tiễn doanh nghiệp, góp phần ổn định chất lượng lực lượng lao động. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật lao động về an toàn lao động cũng xảy ra ngày càng phổ biến và có xu hướng gia tăng, gây ảnh hưởng không nhỏ tới xã hội. Điều này đòi hỏi các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này cần phải tích cực tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các vụ việc vi phạm nhằm xử phạt các đối tượng vi phạm, răn đe, ngăn ngừa các hành vi vi phạm trong tương lai.

Với mong muốn hệ thống các quy định pháp luật về an toàn lao động ngày càng được hoàn thiện hơn nữa, Luận văn đã đề xuất một số điểm cần sửa đổi nhằm phù hợp với tình hình mới và các cam kết quốc của Việt Nam trong lĩnh vực bảo hộ lao động nói riêng, bảo vệ quyền con người nói chung.

## KẾT LUẬN CHUNG

- Qua nghiên cứu về pháp luật an toàn lao động, có thể thấy rằng pháp luật nước ta đã có những quy định khá cụ thể và ưu việt về đảm bảo an toàn lao động liên quan đến điều kiện làm việc, đào tạo nghề, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi... Những quy định đó đã giúp người lao động nhận thức được quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đồng thời cũng đặt ra trách nhiệm cho các doanh nghiệp trong việc đảm bảo an toàn lao động. Các doanh nghiệp đã chấp hành khá nghiêm túc các quy định của pháp luật nhằm xây dựng một môi trường lao động an toàn, vệ sinh, thuận lợi cho người lao động; góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động và bảo vệ sức khỏe người lao động- lực lượng sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội.

-Hệ thống các quy phạm pháp luật lao động hiện hành đã bước đầu tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện quyền lợi của người lao động, xác định trách nhiệm của Nhà nước, xã hội; đặc biệt của người sử dụng lao động trong việc đảm bảo điều kiện làm việc an toàn và vệ sinh cho người lao động. Luận văn cũng đi vào tìm hiểu tình hình thực hiện các quy định pháp luật này trong các doanh nghiệp, trong công tác quản lý của Nhà nước, từ đó thấy được nhiều ưu điểm và cả những điểm còn tồn tại của thực trạng pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật.

- Các quy định về an toàn lao động có tính ưu việt, thể hiện tính nhân đạo và nhân văn sâu sắc của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên để các quy phạm pháp luật đi vào cuộc sống đòi hỏi phải có sự đầu tư về vật chất, sự nhận thức và ý thức của tất cả các bên liên quan trong quan hệ lao động, đặc biệt là sự nghiêm túc thực hiện pháp luật an toàn lao động của người sử dụng lao động và người lao động./.